

KINH TẾ VĨ MÔ I

CHƯƠNG III:

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

CHƯƠNG III: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

I. Khái niệm và đo lường TTKT

1. Khái niệm

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng mức sản xuất mà nền kinh tế tạo ra theo thời gian.

2. Đo lường TTKT

a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

2. Đo lường TTKT

Ngoài ra, để đo lường TTKT người ta sử dụng chỉ tiêu GDP_r bình quân đầu người (per capita).

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

2. Đo lường TTKT

b. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình

Nếu gọi:

- g_a là tốc độ TTKT trung bình trong khoảng thời gian n năm,
- y_o và y_n lần lượt là GDP_r (hoặc $GDP_{r(pc)}$) ở thời kỳ gốc và sau n năm.

Ta sẽ có:

2. Đo lường TTKT

$$y_1 =$$

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

2. Đo lường TTKT

Từ đó ta có:

cuu duong than cong. com

**Quy tắc 70*

Nếu một biến số tăng với tốc độ trung bình là x %/năm thì nó sẽ *tăng gấp đôi* sau $70/x$ (năm).

II. Cở sở lý thuyết xác định nguồn lực của TTKT

1. Lý thuyết TT của A. Smith và T. Robert Malthus

Các nhà KT học cổ điển như A. Smith và T.R. Malthus cho rằng *đất đai* đóng vai trò *quyết định* đối với TTKT và cũng là *giới hạn* của TTKT.

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

2. Lý thuyết tăng trưởng của trường phái Keynes

Dựa vào tư tưởng của Keynes về vai trò của đầu tư đối với TTKT vào 1940s, hai nhà KTH là Roy F. Harrod (1900 - 1978) ở Anh và Evsey Domar (1914 - 1997) ở Mỹ đã đưa ra *MH lượng hoá mối quan hệ giữa*

2. Lý thuyết tăng trưởng của trường phái Keynes

Các giả thiết chủ yếu trong MH:

- ✓ Nền KT đóng không có sự tham gia của CP,
- ✓ Đồng nhất tiết kiệm và đầu tư
- ✓ Nền KT SX *duy nhất* một loại HH và sử dụng các đầu vào là lao động (L) và vốn (K). Tỷ lệ vốn và sản lượng (K/Y) không thay đổi,
- ✓ Dân số (hay LLLĐ), tiến bộ CN và tiết kiệm gia tăng với một tốc độ cố định.

2. Lý thuyết tăng trưởng của trường phái Keynes

Vì nền KT không có sự tham gia của CP nên:

cuu duong than cong. com

Ta suy ra:

Trong đó: S (Saving) là tiết kiệm và s là tỷ lệ tiết kiệm của nền kinh tế.

2. Lý thuyết tăng trưởng của trường phái Keynes

Khi $I \uparrow \rightarrow$

Nếu bỏ qua khấu hao (Depreciation) thì lượng gia tăng vốn SX chính là bằng lượng đầu tư.

Lượng đầu tư hay lượng vốn bổ sung đó làm gia tăng sản lượng một lượng là

2. Lý thuyết tăng trưởng của trường phái Keynes

Gọi ICOR (Incremental Capital – Output Ratio)
là *hệ số gia tăng giữa vốn và sản lượng*, ta sẽ có:

cuuduongthancong.com

cuuduongthancong.com

2. Lý thuyết tăng trưởng của trường phái Keynes

Ta biến đổi:

cuu duong than cong. com

Suy ra:

cuu duong than cong. com

2. Lý thuyết tăng trưởng của trường phái Keynes

Mô hình Harrod – Domar cho thấy tốc độ TTKT phụ thuộc.

Để có TTKT các nước phải tiết kiệm và đầu tư một phần thu nhập của mình.

Tuy vậy, nhược điểm của mô hình Harrod – Domar là nó *quá đơn giản* khi coi tốc độ TTKT chỉ được xác định bởi tỷ lệ tiết kiệm.

Tỷ lệ đầu tư và TNQB đầu người

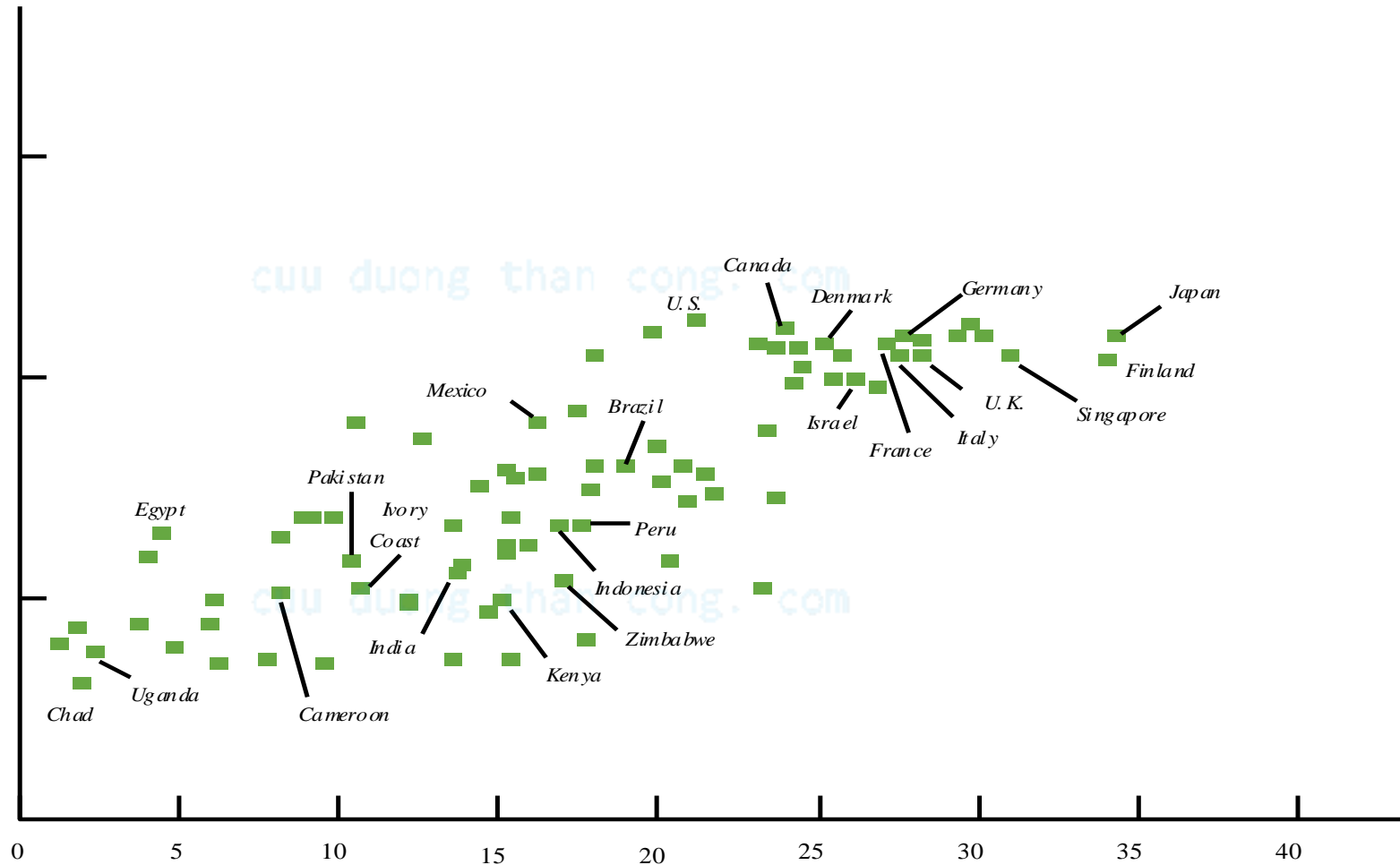
Income per
person in 1992
(logarithmic scale)

100,000

10,000

1,000

100



Investment as percentage of output

(average 1960 – 1992)

3. Lý thuyết TT của trường phái cổ điển mới

Năm 1956, dựa trên lý thuyết của trường phái cổ điển mới, kết hợp với một số giả thuyết của MH Harrod – Domar, Robert Solow và Trevor Swan đã xây dựng MH tăng trưởng cổ điển mới, còn được *gọi là MH tăng trưởng Solow – Swan* (gọi tắt là MH Solow).

3. Lý thuyết TT của trường phái cổ điển mới

Những giả định cơ bản của MH:

- Nền KT có một đầu ra *đồng nhất, duy nhất* (Y hay GDP) được sản xuất bằng 2 loại đầu vào là tư bản (K) và lao động (L),
- Nền KT là cạnh tranh và luôn hoạt động ở mức toàn dụng nhân công, do đó có thể phân tích *mức tăng trưởng của sản lượng tiềm năng*,

3. Lý thuyết TT của trường phái cổ điển mới

- Đồng nhất dân số và LLLĐ. Tăng mức LĐ được xác định bằng những *lực lượng bên ngoài* của nền KT và không bị ảnh hưởng bởi các biến KT,
- Hàm sản xuất Cobb – Douglass ($Y = AK^\alpha L^\beta$) có hiệu suất không đổi theo quy mô,
- Vốn và LĐ tuân theo quy luật *năng suất cận biên giảm dần*.

3. Lý thuyết TT của trường phái cổ điển mới

Hàm SX có dạng

Hàm SX có hiệu quả không đổi theo quy mô nên:

cuuduongthancong.com

Nếu $m = 1/L$ ta sẽ có:

cuuduongthancong.com

3. Lý thuyết TT của trường phái cổ điển mới

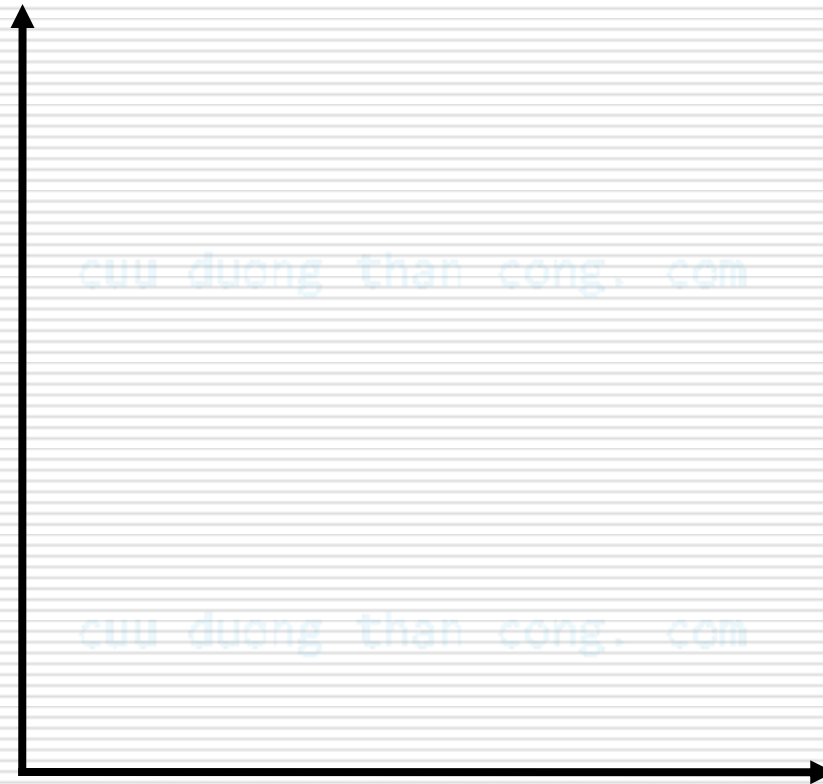
Đây là *hàm SL trung bình APF* (Average Product Function).

cuu duong than cong. com

Để thúc đẩy TTKT các nhà KT nhấn mạnh đến sự cần thiết phải *tăng cường TB theo “chiều sâu”*

cuu duong than cong. com

Tăng cường TB theo chiều sâu và tăng trưởng kinh tế



3. Lý thuyết TT của trường phái cổ điển mới

Trạng thái ổn định dài hạn

Với một tình trạng công nghệ nhất định, K/L tăng có xu hướng làm Y/L tăng nhưng tốc độ tăng giảm dần.

Trong dài hạn nền KT sẽ ở *trạng thái ổn định* tại điểm V (*trạng thái dừng*: Steady – State).

3. Lý thuyết TT của trường phái cổ điển mới

Ứng dụng phân tích chính sách tiết kiệm và hiệu ứng đuổi kịp

Quy luật *hiệu suất giảm dần* cho phép phân tích tác dụng của chính sách tiết kiệm và giải thích *hiệu ứng đuổi kịp*: các quốc gia có xuất phát điểm thấp

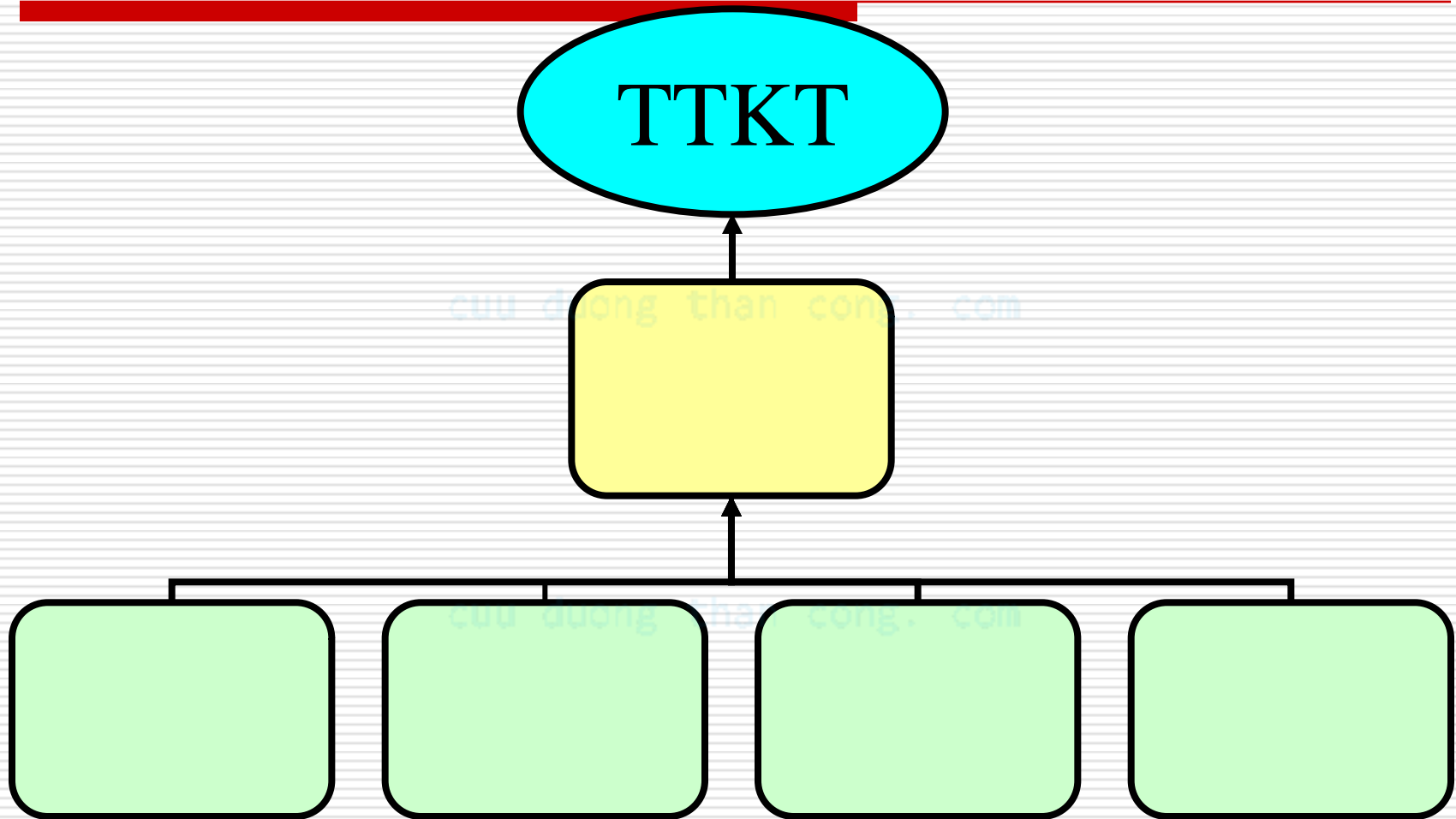
Tiến bộ CN và tăng trưởng liên tục



3. Lý thuyết tăng trưởng của trường phái cổ điển mới

Như vậy, TBCN kết hợp với tăng cường TB theo chiều sâu làm Y/L tăng, tăng tiền lương thực tế và cải thiện mức sống.

III. Các nguồn lực của TTKT



1. Tài nguyên thiên nhiên (Natural Resource)

TNTN là yếu tố đầu vào của SX *do thiên nhiên mang lại* như đất đai, sông ngòi, khoáng sản,...

Có 2 loại TNTN: tái tạo được (VD: rừng cây) và không tái tạo được (VD: dầu mỏ, than đá).

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

2. Tư bản hiện vật (Capital)

TB hiện vật bao gồm máy móc, trang thiết bị nhà xưởng phục vụ cho SX.

Ngoài ra, khi đề cập đến vốn chúng ta còn phải kể đến những khoản đầu tư CSHT của CP.

3. Vốn nhân lực (Human Resource)

Vốn nhân lực là kiến thức và kỹ năng mà NLĐ tiếp thu được thông qua quá trình giáo dục, đào tạo từ nhỏ cho đến khi trưởng thành cũng như trong quá trình LĐ.

Nguồn vốn nhân lực được đề cập theo 2 khía cạnh là

4. Tri thức công nghệ (Technology)

Tri thức công nghệ là những kiến thức được áp dụng để SX ra HH và DV.

Tri thức công nghệ có vai trò quan trọng trong quá trình SX ra HH-DV của nền KT

IV. Các chính sách thúc đẩy TTKT

1. Chính sách khuyến khích tiết kiệm và đầu tư trong nước

Vì nguồn lực khan hiếm nên phải hi sinh tiêu dùng hiện tại và tăng tiết kiệm để có TT và tăng mức sống trong tương lai.

2. Chính sách thu hút ĐT nước ngoài

ĐTNN bao gồm ĐT trực tiếp và ĐT gián tiếp:

- ✓ ĐT trực tiếp (FDI: Foreign Direct Investment)
- ✓ ĐT gián tiếp (FPI: Foreign Portfolio Investment)

3. Đảm bảo quyền sở hữu tài sản và sự ổn định chính trị

Để quyền sở hữu tài sản có hiệu lực cần phải có *hệ thống pháp luật nghiêm minh, bộ máy quản lý nhà nước trong sạch, thanh liêm.*

Sự bất ổn về chính trị cũng sẽ đe dọa các quyền sở hữu tài sản. Điều này sẽ cản trở các nhà đầu tư thành lập và phát triển doanh nghiệp.

4. Chính sách mở cửa nền kinh tế

Người tiêu dùng và nền KT có thể sẽ được lợi hơn nếu *CS hướng nội* (hay chính sách thay thế *NK*) được thay bằng *CS hướng ngoại* (CS hội nhập với thế giới bên ngoài).

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

5. Chính sách về vốn nhân lực

- Có CS *ưu tiên cho giáo dục và đào tạo* nguồn nhân lực có chất lượng, có đủ trình độ chuyên môn, có tác phong và ý thức làm việc tốt.
- Tạo ra *môi trường làm việc* thuận lợi và hấp dẫn để thu hút nguồn LĐ có chất lượng làm việc, tránh hiện tượng *chảy máu chất xám*.

6. Chính sách kiểm soát tốc độ tăng DS

Giảm tốc độ gia tăng DS được coi là phương thức làm tăng mức sống ở các nước kém PT.

Biện pháp thực hiện:

- Có luật hạn chế sinh đẻ
- Tăng hiểu biết của mọi người về kỹ thuật sinh đẻ có kế hoạch
- Đối xử công bằng với phụ nữ,...

7. Nghiên cứu và triển khai công nghệ mới

- Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu và triển khai công nghệ mới, có các giải thưởng lớn cho các phát minh, sáng chế mang tính ứng dụng cao.
- Khuyến khích hoạt động nghiên cứu và triển khai thông qua hệ thống bản quyền.